|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK  **TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**  **TỔ: NGỮ VĂN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học 2023 - 2024**  **MÔN VĂN – LỚP 12**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**I. MỤC ĐÍCH RA ĐỀ KIỂM TRA**: Kiểm tra, đánh giá năng lực tiếp thu kiến thức của học sinh qua ba mức độ:  nhận biết, thông hiểu, vận dụng, trong đó chú trọng kiểm tra, đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh.

**1. Kiến thức:** Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng trong chương trình Ngữ văn của học sinh qua các bài đã học trong 7 tuần của học kì I**;** Vận dụng được những kiến thức để trả lời những câu hỏi và tạo lập văn bản theo yêu cầu.

**2. Kĩ năng:**

- Kĩ năng đọc hiểu văn bản.

- Kĩ năng thu thập, lựa chọn và xử lí thông tin liên quan đến văn bản.

- Kĩ năng trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

- Vận dụng được kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý, viết đoạn văn NLXH và bài văn NLVH hoàn chỉnh.

**3. Thái độ:** Chủ động, tích cực trong việc lựa chọn hướng giải quyết vấn đề một cách hợp lý.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:** Tự luận.

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 12**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng**  **điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| 1 | Đọc hiểu | 15 | 10 | 10 | 5 | 5 | 5 |  |  | 4 | 20 | 30 |
| 2 | Viết đoạn văn nghị luận xã hội | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 1 | 20 | 20 |
| 3 | Viết bài văn nghị luận văn học | 20 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 5 | 10 | 1 | 50 | 50 |
| **Tổng** | | **40** | **25** | **30** | **20** | **20** | **30** | **10** | **15** | **6** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ YÊU CẦU CÁC KĨ NĂNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/**  **kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | ĐỌC HIỂU | Nghị luận hiện đại  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  **-** Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích  - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...  **Thông hiểu:**  - Hiểu được nội dung văn bản/đoạn trích*.*  - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.  - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. | 2 | 1 | 1 | 0 | 4 |
| Thơ Việt Nam 1945 - 1975  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt của bài thơ/đoạn thơ.  - Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.  - Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ.  - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. |  |
| 2 | **VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**  (khoảng 150 chữ) | Nghị luận về tư tưởng, đạo lí  (Câu 1-Phần Làm văn NLXH) | **Nhận biết:**  - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1\* |
|  |  | Nghị luận về một hiện tượng đời sống | **Nhận biết:**  - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  |  |
| 3 | **VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** | Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn chính luận:  *Tuyên ngôn độc lập* của  Hồ Chí Minh | **Nhận biết:**  - Nhận biết kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.  - Nêu nội dung khái quát của văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm.  - Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của văn chính luận được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các tác phẩm chính luận khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1\* |
| Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:  *- Tây Tiến* của Quang Dũng  *- Việt Bắc* (trích) của Tố Hữu  (Câu 2-Phần Làm văn) | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.  - Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...  - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam 1945 - 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **6** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | | **100** |